UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ BẮC LÝ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1549/QĐ - UBND	*Bắc Lý, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Báo cáo KTKT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ đường ĐX.04 đi qua Đình Thọ Chương đến ĐX.01 thôn Vũ Xá

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BẮC LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Đầu tư công 58/2024/QH15 ngày ngày 29 tháng 11 năm 2024; Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH ngày 2/5/2026 Luật Đầu tư công 2026; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật Xây dựng 2025 số 135/2025/QH15 ban hành ngày 10/12/2025 quy định về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị Quyết sô 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/06/2026 của Chính phủ: Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/06/2026 của Chính phủ: Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày30/06/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15 của Quốc Hội; Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày

04/8/2025 quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các thông tư: Thông tư số 32/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/06/2026 của Bộ Xây dựng: Quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng: Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26-06-2026 của Bộ Xây dựng: Hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng: Ban hành định mức xây dựng; Đơn giá nhân công tỉnh Ninh Bình năm 2026 theo Quyết định 594/QĐ-SXD ngày 01/7/2026 Sở xây dựng ban hành;

Căn cứ thông tin giá vật liệu xây dựng tháng 7/2026 theo Công bố số 8789/CB-SXD ngày 10/08/2026 của Sở xây dựng Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số: 1464/QĐ-UBND ngày 22/09/2026 của UBND xã Bắc Lý về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ đường ĐX.04 đi qua Đình Thọ Chương đến ĐX.01 thôn Vũ Xá;

Căn cứ Quyết định số: 1478/QĐ-UBND ngày 25/09/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập BCKTKT, dự toán kinh phí và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công việc thực hiện ở giai đoạn lập BCKTKT dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ đường ĐX.04 đi qua Đình Thọ Chương đến ĐX.01 thôn Vũ Xá;

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình do Công ty TNHH tư vấn xây dựng và môi trường Hà Nam lập;

Căn cứ thông báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây lắp số: 38/TT–TVHANDIC ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Công ty CP tư vấn HANDIC – đầu tư và phát triển nhà Nam Hà Nội;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Bắc Lý về việc phê duyệt Báo cáo KTKT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo KTKT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ đường ĐX.04 đi qua Đình Thọ Chương đến ĐX.01 thôn Vũ Xá với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ đường ĐX.04 đi qua Đình Thọ Chương đến ĐX.01 thôn Vũ Xá.

2. Chủ đầu tư : UBND xã Bắc Lý.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng

Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong xã, hoàn thiện mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu giao thông trong khu vực ngày một tăng, bảo đảm an toàn giao thông góp phần thúc đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Theo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây lắp số: 38/TT–TVHANDIC ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Công ty CP tư vấn HANDIC – Đầu tư và phát triển nhà Nam Hà Nội, gồm các nội dung sau:

a. Bình đồ tuyến:

Bình diện hướng tuyến thiết kế bám hoàn toàn theo tuyến đường cũ. Tổng chiều dài các tuyến thiết kế tuyến; L= 892,31m.

b. Trắc dọc thiết kế:

+ Cao độ điểm đầu và điểm cuối và các điển khống chế: Thiết kế vuốt nhập êm thuận với cao độ hiện tại trên đường cũ. Đảm bảo kết cấu mặt đường, êm thuận và phù hợp với dốc dọc tổng thể của tuyến đường thiết kế và các tuyến đường cũ. Cao độ thiết kế: +2.40 -:- +3.15

+ Trên cơ sở dốc dọc cũ của mặt đường thiết kế trắc dọc mới bao lấy trắc dọc cũ đảm bảo đoạn đổi dốc tối thiểu, tại điểm đầu và điểm cuối vuốt nhập vào đường cũ đảm bảo êm thuận và phù hợp với chiều dày mặt đường.

c. Trắc ngang thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường: Bm = 5,5m;

+ Bề rộng lề đường: Blề = 2x(0-:-1,0)m (theo phạm vi hiện trạng);

+ Bề rộng nền đường: Bnềntb = (6,5 -:- 7,5)m.

+ Độ dốc mặt đường: i mặt = 2% *(Dốc về lề);*

+ Độ dốc ta luy đắp: Với vật liệu đắp đất m=1/1,5;

d. Thiết kế nền đường:

- Taluy đường được đắp bằng đá lẫn đất đầm chặt K95.

- Tại các vị trí có độ dốc ngang của nền tự nhiên lớn hơn 30% trước khi đắp nền phải tạo bậc cấp với bề rộng (0.8-1m). Tại các vị trí ao, thùng, mương đào khi đắp phải vét vỏ lớp bùn dày 0.5m. Nền đắp trên lề đường cũ trước khi đắp phải đào bỏ lớp đất KTH dày (0.2-0.3)m và các gốc, bụi cây.

e. Thiết kế mặt đường:

** Kết cấu áo đường làm mới và vuốt nối loại 1 gồm các lớp kết cấu như sau:*

+ Mặt đường thảm BT nhựa C12.5 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bám bằng nhũ tương CSS1, tiêu chuẩn 1kg/m2;
+ Lớp CPĐD lớp trên chiều dày 16cm;
+ Lớp CPĐD lớp dưới chiều dày 18cm;
+ Lớp nền đường đầm chặt K98 dày 30cm;
** Kết cấu áo đường trên mặt đường cũ gồm các lớp kết cấu như sau:*
- *Khi Hbv<=3cm:*
+ Mặt đường thảm BT nhựa C12.5 dày 7cm;
+ Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương CSS1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2;
+ Bù vênh bằng BTN C12.5;
+ MĐ bê tộng hiện trạng.
- *Khi 3<Hbv<=8cm:*
+ Mặt đường thảm BT nhựa C12.5 dày 7cm;
+ Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương CSS1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2;
+ Bù vênh bằng BTN C16;
+ Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương CSS1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2;
+ MĐ bê tộng hiện trạng.
- *Khi Hbv>8cm:*
+ Mặt đường thảm BT nhựa C12.5 dày 7cm;
+ Tưới nhựa thấm bám bằng nhũ tương CSS1, tiêu chuẩn 1,0kg/m2;
+ Bù vênh bằng CPĐD;
+ Đục nhám MĐ bê tộng hiện trạng.
**- Kết cấu lề gia cố BTXM*
+ Mặt đường BTXM đá 2x4, M250 dày 15cm
+ Lớp nilong chống mất nước XM
+ Nền đắp K95;
f. Vuốt đường ngang dân sinh:
- Tại các vị trí vuốt nhập, đường ngang dân sinh, thiết kế vuốt nối êm thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại được an toàn.
Kết cấu vuốt đường ngang gồm các lớp kết cấu sau:
- Vuốt nối loại 2:
+ Mặt đường BTN C12.5 dày 7cm;
+ Bù vênh bằng BTN dày tb 3cm;
+ Mặt đường BTXM hiện trạng.
- Vuốt nối loại 3:
+ Mặt đường BTN C12.5 dày 7cm;
+ Lớp CPĐD loại 1 dày tb 10cm;
+ Nền đất tự nhiên.
g. Gia cố nền đường:
Gia cố nền đường bằng kè đá hộc tại các vị trí qua ao,mương, ruộng để

đảm bảo độ ổn định của nền đường và hạn chế đắp lấn ra ao, mương, ruộng.

- Kết cấu gia cố bằng kè đá:

+ Gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm, dài 2,0m; mật độ 25cọc/m2;

+ Lớp đá dăm đệm dày 10cm;

+ Chân móng, tường xây đá hộc vữa xi măng M100.

h. Hệ thống thoát nước :

**Rãnh dọc:* Để đảm bảo thoát nước mặt đường và kết nối hệ thống thoát nước trong khu dân cư thiết kế hệ thống thoát nước dọc tuyến bằng rãnh BTCT B400 kết hợp với các hố ga, hố thu, cống ngang đường để tiêu thoát nước về các mương hiện trạng.

- Kết cấu rãnh BTCT B=400:

+ Lớp đá dăm đệm móng rãnh dày 10cm;

+ Rãnh BTCT đúc sẵn M250# đá 1x2;

+ Tấm đan BTCT chịu lực dày 12cm;

- Trên tuyến bố trí 31 hố ga. Kết nối các đoạn rãnh dọc và cống ngang đường ;

+ Móng hố ga đổ BTXM M200 đá 2x4, thân hố ga bằng gạch XMCL xây VXM M75 dày 220 bên trong lòng ga trát vữa XM M75 dày 2cm;

+ Giằng mũ bằng BTCT M250# đá 1x2;

+ Nắp ga bằng BTCT đá 1x2, M250 dày 15cm ;

**Cống ngang:* Tại tất cả các vị trí cống cũ đã hư hỏng trên tuyến và một số vị trí đấu nối rãnh ngang đường thiết kế cống tròn chịu lực HL93. Móng cống đúc sẵn đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Nền móng được gia cố cọc tre D=6-8cm, dài 2.0m, mật độ 25 cọc/m^2.

- Bảng thống kê cống:

TT	Lý trình	Giải pháp thiết kế	
		Khẩu độ thoát nước	**Chiều Dài (m)**
1	Km 0+005.17 - T1	Cống tròn C1 - D1500	8.0m
2	Km 0+162.53 - T1	Cống tròn C2- D600	7.3m
3	Km 0+287.06 - T1	Cống tròn C3- D600	5.3m
4	Km 0+339.93 - T1	Cống tròn C4- D600	5.3m
5	Km 0+0.00 - T2	Cống tròn C5- D600	12m
6	Km 0+421.43 - T1	Cống tròn C6- D600	6.3m
7	Km 0+425.35 - T1	Cống tròn C7- D600	9.3m
8	Km 0+452.90 - T1	Cống tròn C8- D600	6.4m
9	Km 0+058.11 - T2	Cống tròn C9- D800	7.0m
10	Km 0+341.46 - T2	Cống tròn C10- D600	2.0m

i. Hệ thống ATGT:

- Thiết kế biển báo, vạch sơn: Bố trí hệ thống vạch sơn, biển báo ATGT theo QCVN 41-2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và vạch giảm tốc TCCS 34:2020/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở gờ giảm tốc;

+ Bố trí biển báo tại các vị trí đường giao cắt để đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông.

+ Thiết kế gờ chắn bánh tại các vị trí kè đá khoảng cách 1m viên. Gờ chắn bánh thiết kế bằng BT mác 200 đá 1x2, kích thước: (20x25x100)cm bên ngoài sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước màu trắng, đỏ.

+ Cột biển báo bằng thép ống D90x2. Mặt biển thép mạ kẽm dày 3mm, nền dán màng phản quang.

+ Bố trí sơn vạch phân làn màu vàng rộng 15cm dày 2mm tại tim đường và gờ giảm tốc màu vàng rộng 20cm dày 6mm tại các vị trí giao cắt, đường cong.

j. Di chuyển cột điện vào lề đường.

- Tháo dỡ và trồng mới 19 cột điện (17 cột đơn và 1 cột đôi) vào lề đường để đảm bảo mặt bằng cho tuyến.

- Tháo dỡ cột diện cũ, toàn bộ dây điện cũ xuống, di chuyển hòm và công tơ sang cột mới, làm mới toàn bộ 17 móng cột điện đơn kích thước 1,0x1,0x1,1m và 1 móng cột đôi kích thước 1,0x1,4x1,1m bằng BT mác 200 đá 2x4, Thay mới 14 cột điện BTLT PC.I-8.5-4.3 (tận dụng lại 05 cột điện cũ)

- Bổ sung mới, các phụ kiện như: Kẹp hãm, ghíp nhôm, ốp cột, đai, khóa đai...

- Kéo hoàn trả toàn bộ dây điện (dây cũ) các đoạn di chuyên cột.

k. Thiết kế điện chiếu sáng.

- Trong khu dân cư có sẵn cột đỡ lưới điện 0.4kv tận dụng cột điện ly tâm lắp bổ sung cần đèn và bóng đèn trên đầu cột điện (22 bóng). Ngoài khu dân cư không cột đỡ lưới điện bố trí hệ thống cột đèn (04 cột) chiếu sáng bằng thép bát giác liền cần đơn cao 7m vươn 1,5m, trồng ở 1 bên lề đường.

- Bổ sung 26 bóng đèn cao áp LED VHL7B-100W trên cột điện.

- Móng cột thộp: Bê tông móng đổ tại chỗ M200#, đá 1x2.

- Bố trí 01 tủ điều khiển chiếu sáng 1 pha 50A. Tủ điều khiển được lấy nguồn từ cột điện hạ thế đã có.

- Kéo cáp điện 3x6+1x4 kèm cáp dưỡng từ tủ điều khiển cấp cho các bóng đèn và các thiết bị móc, đai khóa, tăng đơ kéo cáp. Khi cấp điện cho (04 cột thép ngoài khu dân cư) sử dụng cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 0,6/1kV 3x6+1x4mm2; cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE F50/40 chôn ngầm dưới lề đường.

- Các đèn được cấp nguồn đến đèn bằng dây đồng mềm Cu/PVC/PVC tiết diện 2x2,5mm^2.

5. Tổ chức lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và môi trường Hà Nam.

6. Chủ nhiệm lập Báo cáo Kinh tế- kỹ thuật: Nguyễn Thanh Tâm

7. Địa điểm xây dựng: Xã Bắc Lý, tỉnh Ninh Bình.

8. Diện tích sử dụng đất: Công trình nằm trên nền đường hiện trạng có mở rộng một phần sang 2 bên tuyến tuyến do các hộ dân giao lại.

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: Một bước – Thiết kế bản vẽ thi công.

11. Phương án xây dựng: Theo phương án thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đã được Phòng kinh tế xã thẩm định.

12. Thiết bị công nghệ: Không.

13. Phương án giải phóng mặt bằng: Không.

14. Tổng mức đầu tư (đã làm tròn): **12.000.000.000 đồng**

Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn.

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	10.657.861.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	291.996.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD	791.230.000	đồng
Chi phí khác:	235.061.000	đồng
Chi phí dự phòng:	23.852.000	đồng
Tổng cộng	**12.000.000.000**	**đồng**

15. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và mền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I 2026-2030, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án theo quy định hiện hành.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

18. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

19. Kế hoạch đấu thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: Chi phí khảo sát địa hình, lập báo cáo kinh tế - Kỹ thuật; Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán, giá trị: 400.268.000 đồng.

- Phần công việc không phải đấu thầu: Thẩm định BCKTKT; Kiểm tra công tác nghiệm thu; Thẩm tra phê duyệt quyết toán; Dự phòng, giá trị: 64.645.000 đồng.

- Phần công việc thực hiện theo Luật đấu thầu giá trị: 11.535.087.000 đồng.

(Theo phụ lục đính kèm)

Điều 2: **Tổ chức thực hiện:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Phó trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3; *(để t/h)*
- Lãnh đạo UBND xã; *(để b/c)*
- Lưu: VT, HS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Quỳnh

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 1549/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Bắc Lý)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Uỷ ban nhân dân xã Bắc Lý	Gói thầu số 03: Tư vấn quản lý dự án	Tư vấn quản lý dự án	291.996	Ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách xã và các nguồn vốn khác	Chỉ định thầu	Rút gọn	15 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	Suốt thời gian thực hiện dự án	Không có	Không đề xuất
2		Gói thầu số 04: Lập HSMT đánh giá HSDT	Lập HSMT đánh giá HSDT	36.082		Chỉ định thầu	Rút gọn	15 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	45 ngày	Không có	Không đề xuất
3		Gói thầu số 05: Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	20.857		Chỉ định thầu	Rút gọn	15 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	45 ngày	Không có	Không đề xuất
4		Gói thầu số 06: Thi công xây lắp	Thi công xây lắp công trình	10.769.997		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	150 ngày	Không có	Không đề xuất
5		Gói thầu số 07: Giám sát thi công	Giám sát thi công	334.023		Chỉ định thầu	Rút gọn	15 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	Suốt thời gian thi công	Không có	Không đề xuất
6		Gói thầu số 08: Kiểm toán công trình hoàn thành	Kiểm toán công trình hoàn thành	82.132		Chỉ định thầu	Rút gọn	15 ngày	Sau khi thi công xong	Trọn gói	30 ngày	Không có	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				**11.535.087**									